

CÔNG TY TNHH V-DENPRO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH V-DENPRO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: V-DENPRO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: V-DENPRO CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109203230

3. Ngày thành lập: 01/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0365858888

Fax:

Email: vdental@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Phòng khám đa khoa; - Phòng khám chuyên khoa, bác sỹ gia đình	8620(Chính)
2.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
3.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
4.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các nhân viên trợ giúp nha khoa như các nhà trị liệu răng miệng, y tá nha khoa trường học và vệ sinh viên răng miệng	8699
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
7.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
8.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Kinh doanh thuốc - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
10.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thuốc - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện xuất, nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh	8299
12.	Bán buôn thực phẩm	4632
13.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
14.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
15.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá)	4512
16.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
17.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
18.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
19.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
20.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
22.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
25.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

27.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
28.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
29.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Bao gồm lao động trong nước)	7830
30.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo	8230
31.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
33.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh;	8559
34.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
35.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
36.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hộp đèn quảng cáo, băng rôn.	3290
37.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
38.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
39.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
40.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
41.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
42.	In ấn (trừ loại nhà nước cấm)	1811
43.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
44.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
45.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế đồ họa, thiết kế website, thiết kế tạo mẫu bằng máy vi tính, Trang trí nội, ngoại thất, sân vườn.	7410
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
47.	Bán buôn đồ uống	4633
48.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

49.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
50.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
51.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực điện – điện tử	7490
52.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị cơ điện lạnh, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị chống trộm, thiết bị camera quan sát, thiết bị máy thu nạp năng lượng mặt trời.	4659
54.	Xây dựng nhà để ở	4101
55.	Xây dựng nhà không để ở	4102
56.	Phá dỡ	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
58.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế nội thất.	7110
59.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
60.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
61.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
63.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
64.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
65.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics, hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
67.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
68.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất trong lĩnh vực phụ gia thực phẩm	2029
69.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	4620
70.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

71.	Giáo dục nhà trẻ	8511
72.	Giáo dục mẫu giáo	8512
73.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
74.	Điều hành tua du lịch	7912
75.	Đại lý du lịch	7911
76.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
77.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
78.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
79.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
80.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
81.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
82.	Bốc xếp hàng hóa	5224
83.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông	6190
84.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
85.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
86.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
87.	Xây dựng công trình điện	4221
88.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
89.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
90.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
91.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
92.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng máy lọc nước. Bán lẻ thiết bị xử lý ô nhiễm không khí. Bán lẻ đèn điện, đèn trang trí.	4773
93.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
94.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
95.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
96.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
97.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
98.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
99.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
100.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

101.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.	6399
102.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
103.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
104.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
105.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
106.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
107.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm	4662
108.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: – Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.	4719
109.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: – Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
110.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: – Bán chuyển phát theo địa chỉ, bán thông qua máy bán hàng tự động	4799
111.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
112.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
113.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: – Bán lẻ đồ ngũ kim, vật liệu xây dựng, bình đun nước nóng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
114.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
115.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TÔ QUANG HUY	Thôn Mỹ Lương, Xã Văn Lang, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	300.000.000	10,000	034084006897	
2	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Số 28, Tổ 18, Cụm 2, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	30,000	013049467	
3	TRẦN VĂN THIẾT	Tổ 12, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	300.000.000	10,000	035062000122	
4	TRẦN TRÍ ĐẠT	Thôn Tự Khoát,, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	30,000	038082000427	
5	PHAN VĂN TUẾ	Số 25, Phố Hoàng Văn Thụ, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	20,000	034084003181	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN VĂN TUẾ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034084003181

Ngày cấp: 25/09/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25, Phố Hoàng Văn Thụ, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 25, Phố Hoàng Văn Thụ, Thị Trấn Vân Đình, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: NGUYỄN HỒNG QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Phó Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 31/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013049467

Ngày cấp: 18/03/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 28, Tổ 18, Cụm 2, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 28, Tổ 18, Cụm 2, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: TRẦN TRÍ ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 25/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038082000427

Ngày cấp: 23/09/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tự Khoát,, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Tự Khoát,, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội